

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỰC PHẨM HỮU NGHỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/PC-HĐQT

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2021

**BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
Năm 2020**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty/Name of company: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: 122 Định Công – Phường Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội
- Điện thoại/Telephone: 0912755740 (Mr Thành) Fax: Email: thanhnh@huunghi.com.vn
- Vốn điều lệ/Charter capital: 300 tỷ đồng
- Mã chứng khoán/Stock symbol: HNF
- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020. Số: 193/NQ- TPHN	09/6/2020	1: Thông qua cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch, bầu chủ toạ và các Ban giúp việc tại Đại hội; thông qua nội dung chương trình Đại hội, quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020. 2: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020. 3: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			4: Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch 2020 của Ban kiểm soát. 5: Thông qua báo cáo về điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng theo GCN số 30/GCN-UBCK ngày 10/02/2020. 6: Thông qua báo cáo về niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch chứng khoán. 7: Thông qua báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành ra công chúng. 8: Thông qua việc sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị lần thứ 05. 9: Thông qua việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp về ngành nghề kinh doanh 10: Thông qua thay đổi Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng năm 2014 theo GCN số 70/GCN-UBCK ngày 19/6/2014. 11: Thông qua việc Công ty DNA Holding nhận chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị mã HNF để tăng tỷ lệ sở hữu. 12: Thông qua việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ 2019. 13: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán 2020. 14: Thông qua việc dự kiến phân chia cổ tức 2020. 15: Thông qua quỹ thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020. 16: Thông qua đơn từ nhiệm và việc bầu bổ sung thành viên BKS.
2	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường 2020. Số: 288/NQ- TPHN	29/8/2020	Thông qua đơn từ nhiệm và tờ trình 10/7/2020 và bầu bổ sung 01 thành viên BKS

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/ Board of Directors (annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Information about the members of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập
------------	---------------------	--	--

	Board of Directors' members	độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))	The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
01	Trịnh Trung Hiếu	Chủ tịch HĐQT	01/7/2017 tại Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 ngày 01/7/2017	
02	Lê Thị Lan Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	20/4/2015 tại Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 ngày 20/4/2015	
03	Bùi Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	27/2/2018 tại Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2018 ngày 27/2/2018	
04	Lê Việt Anh	Thành viên HĐQT	27/2/2018 tại Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 2018 ngày 27/2/2018	
05	Nguyễn Thái Dương	Thành viên HĐQT	22/5/2019 tại Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 ngày 22/5/2019	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
1	Trịnh Trung Hiếu	41	100%	
2	Lê Thị Lan Anh	41	100%	
3	Bùi Tuấn Anh	41	100%	
4	Lê Việt Anh	41	100%	
5	Nguyễn Thái Dương	41	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai và thực hiện tốt các nghị quyết của HĐQT.
- Tuân thủ các quy chế nội bộ và pháp luật của Nhà nước.
- Thực hiện tốt công tác lao động tiền lương, bố trí sắp xếp lao động hợp lý thúc đẩy việc SXKD trong Công ty.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- Ban Tổng giám đốc hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong 6 tháng và cả năm 2020.
4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):
5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2020)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (annual report):

Stt No	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1	Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-TPHN	02/01/2020	Bổ nhiệm và phân công nhiệm vụ cho ông Tạ Nguyên Hải làm Phó Tổng giám đốc phụ trách chuỗi cung ứng.	100%
2	Nghị quyết HĐQT số 31/NQ-TPHN	11/02/2020	Bổ nhiệm và phân công nhiệm vụ cho ông Vũ Ba Lê làm Phó Tổng giám đốc phụ trách Nội chính - Ngoài ra trong Quyết nghị tại BB họp HĐQT ngày 11/2/2020 còn thông qua 1 số chức danh khác nhưng không thuộc diện phải công bố thông tin theo Thông tư 155/TT-BTC	100%
3	Nghị quyết HĐQT số 37/NQ-TPHN	12/02/2020	Chốt danh sách cổ đông thực hiện phát hành cổ phiếu ra công chúng	100%
4	Nghị quyết HĐQT số 27/NQ-TPHN	10/03/2020	Thông qua Hợp đồng giao dịch với Công ty cổ phần bao bì Đông Nam Á	100%
5	Nghị quyết HĐQT số 90/NQ-TPHN	19/03/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức, nhân sự tham dự và nội dung dự kiến của Đại hội đồng cổ đông 2020	100%
6	Nghị quyết HĐQT số 107/NQ-TPHN	03/04/2020	Thông qua việc xử lý số cổ phần lẻ và cổ phần không chào bán hết	100%
7	Nghị quyết HĐQT số 113/NQ-TPHN	08/04/2020	Chấp nhận những điều khoản của HĐ tín dụng với UOB/HCMC/CB-20034	100%
8	Nghị quyết HĐQT số 115/NQ-TPHN	08/04/2020	Thông qua điều chỉnh phương án xử lý số cổ phần lẻ và cổ phần không chào bán hết	100%
9	Nghị quyết HĐQT số 127/NQ-TPHN	15/04/2020	Điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	100%
10	Nghị quyết HĐQT số 130/NQ-TPHN	15/04/2020	Tăng vốn điều lệ HNF lên 300.000.000 VNĐ (Ba trăm tỷ đồng) và làm thủ tục thay đổi vốn Điều lệ tại Sở KHĐT	100%
11	Biên bản họp HĐQT	04/05/2020	Chấp thuận gia hạn hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam.	100%
12	Nghị quyết HĐQT số 137/NQ-TPHN	17/04/2020	Thông qua nội dung chính thức trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020	100%
13	Nghị quyết HĐQT số 139/NQ-TPHN	20/04/2020	Dời kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 do dịch Covid-19	100%

14	Nghị quyết HĐQT số 149/NQ-TPHN	29/04/2020	Thông qua việc hủy ngày ĐKCC trước đó và Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 sau thời gian tạm hoãn vì dịch Covid-19	100%
15	Nghị quyết HĐQT số 164/NQ-TPHN	11/05/2020	Điều chỉnh lịch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 sang ngày 09/6/2020.	100%
16	Nghị quyết HĐQT số 167/NQ-TPHN	11/05/2020	Bổ nhiệm Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị Miền Nam đối với ông Tạ Nguyên Hải	100%
17	Nghị quyết HĐQT số 168/NQ-TPHN	11/05/2020	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị kiêm Phó Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị Miền Nam đối với ông Lê Việt Anh .	100%
18	Nghị quyết HĐQT số 169/NQ-TPHN	11/05/2020	Miễn nhiệm Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị Miền Nam đối với ông Lê Hồng Hà	100%
19	Biên bản họp HĐQT	28/05/2020	Thông qua Phương án vay vốn, phát hành LC, phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Hai Bà Trưng.	100%
20	Nghị quyết HĐQT số 187b/NQ-TPHN	29/05/2020	Thông qua việc sửa đổi bổ sung hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020	100%
21	Nghị quyết HĐQT số 203/NQ-TPHN	15/06/2020	Thông qua đơn xin từ nhiệm vị trí Tổng giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị đối với ông Vũ Đức Lợi kể từ ngày 15/6/2020.	100%
22	Nghị quyết HĐQT số 214/NQ-TPHN	23/06/2020	Thông qua bổ nhiệm Trưởng phòng QA Công ty	100%
23	Nghị quyết HĐQT số 221/NQ-TPHN	02/07/2020	Thông qua bổ nhiệm GD kinh doanh XK khối tiếng Anh phụ trách thị trường Nhật Bản và Châu Mỹ	100%
24	Biên bản họp HĐQT số 223/BB-TPHN	10/7/2020	1. Nghị quyết số: 224/NQ-TPHN ngày 10/7/2020 về việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc đối với Ông Tạ Nguyên Hải kể từ 10/7/2020. 2. Nghị quyết số: 225/NQ-TPHN ngày 10/7/2020 về việc Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc đối với Ông Đỗ Công Quang kể từ 10/7/2020. 3. Nghị quyết số: 227/NQ-TPHN ngày 10/7/2020 về việc Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc dự án OEM và Bakery đối với Ông Lê Bảo Long kể từ 10/7/2020	100%

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

			4. Nghị quyết số: 226/NQ-TPHN ngày 10/7/2020 về việc Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc xuất khẩu thị trường Tiếng Trung đối với Bà Dương Thị Thủy kể từ 10/7/2020 5. Nghị quyết số: 228/NQ-TPHN ngày 10/7/2020 về việc phân công nhiệm vụ đối với Ông Phạm Việt Hùng	
25	Nghị quyết 232/KT-TPHN	16/7/2020	Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2020	100%
26	Nghị quyết 238/HĐQT-TPHN	20/7/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ bất thường lần 1 năm 2020	100%
27	Nghị quyết 242/HĐQT-TPHN	27/7/2020	Thông qua điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội bất thường	100%
28	Nghị quyết HĐQT số 245a/NQ-TPHN	28/7/2020	Bổ nhiệm bà Phạm Thị Minh Ngọc giữ chức vụ Trưởng phòng kinh doanh khối CQNN từ 01/8/2020	100%
29	Biên bản họp HĐQT ngày 31/7/2020	31/7/2020	Chi trả thù lao cho 2 thành viên BKS từ 1/8/2020	100%
30	Quyết định số 291 và NQ 292/NQ-TPHN	31/8/2020	Thành lập trung tâm đào tạo nội bộ và bổ nhiệm Ông Nguyễn Minh Đức làm GD trung tâm đào tạo nội bộ	100%
31	Nghị quyết số 298/VPHĐQT-TPHN	04/9/2020	Thông qua hợp đồng giao dịch với Công ty CP thực phẩm quốc tế Alpha về việc thanh lý tài sản	100%
32	Nghị quyết số 318/NQ-TPHN	28/9/2020	Bổ nhiệm kế toán trưởng Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị (Đoàn Thùy Dương) kể từ 01/10/2020	100%
33	Nghị quyết số 319/NQ-TPHN	28/9/2020	Miễn nhiệm kế toán trưởng Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị (Bùi Thị Minh Hằng) kể từ 01/10/2020	100%
34	Nghị quyết HĐQT ngày 01/10/2020	01/10/2020	Thay đổi chữ ký ngân hàng (chữ ký Kế toán trưởng) với ngân hàng Bangkok	100%
35	Nghị quyết HĐQT 333/NQ-TPHN	05/10/2020	Miễn nhiệm kế toán trưởng Chi nhánh Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc (Bùi Thị Minh Hằng) kể từ 05/10/2020	100%
36	Nghị quyết HĐQT 334/NQ-TPHN	05/10/2020	Bổ nhiệm kế toán trưởng Chi nhánh Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc (Đoàn Thùy Dương) kể từ 05/10/2020	100%
37	Nghị quyết HĐQT số 409/NQ-TPHN	30/11/2020	Bổ nhiệm phó phòng Marketing đối với Ông Nguyễn Quốc Hưng	100%
38	Nghị quyết HĐQT số 406/NQ-HĐQT	27/11/2020	Tái vay vốn ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương VN Chi nhánh Hoàn Kiếm	100%

39	Nghị quyết HĐQT	27/11/2020	Thuê tài chính của Công ty TNHH MTV quốc tế Chailease CN Hà Nội	100%
40	Nghị quyết HĐQT	28/12/2020	Điều chỉnh chức vụ đối với một số vị trí quản lý tại Chi nhánh Công ty cổ phần thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc. - Điều chỉnh chức vụ đối với Ông Hà Văn Ly, Giám đốc nhà máy, nay đảm nhận chức vụ Giám đốc sản xuất kem xốp, cookies, cake và mùa vụ từ 1/1/2021 - Điều chỉnh chức vụ đối với Ông Lương Ngọc Hưng, Phó Giám đốc nhà máy, nay đảm nhận chức vụ Giám đốc sản xuất bánh mỳ và bánh trứng từ 1/1/2021 - Điều chỉnh chức vụ đối với Ông Nguyễn Tiến Khang, Phó Giám đốc nhà máy, nay đảm nhận chức vụ Giám đốc cơ điện từ 1/1/2021.	100%
41	Nghị quyết HĐQT	29/12/2020	Bổ nhiệm Ông Phan Thanh Nam đảm nhận chức vụ Giám đốc kinh doanh Miền (RSM) kể từ 1/1/2021 Bổ nhiệm Bà Trần Thanh Hà đảm nhận chức vụ Giám đốc phòng kinh doanh kênh KA kể từ 1/1/2021 Bổ nhiệm Ông Ngô Tiến Đạt đảm nhận chức vụ Giám đốc kinh doanh vùng (ASM) kể từ 1/1/2021.	100%

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm)/Board of Supervisors (annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS / Information about members of Board of Supervisors:

Stt No.	Thành viên BKS Members of Board of Supervisors	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors	Trình độ chuyên môn Qualification
1	Đỗ Công Quang	Trưởng ban kiểm soát	Ngày không còn là Trưởng ban kiểm soát 29/8/2020 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường 2020 ngày 29/8/2020	Kế toán
2	Nguyễn Thành Công	Thành viên	Ngày bắt đầu 09/6/2020 theo Biên bản và Nghị quyết	Kế toán

			ĐHĐCĐ thường niên 2020 ngày 09/6/2020	
3	Đoàn Quang Cảnh	Thành viên	Ngày bắt đầu 09/6/2020 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 ngày 09/6/2020	Kế toán
4	Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên	Ngày không còn là thành viên 09/6/2020 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 ngày 09/6/2020	Kế toán
5	Trịnh Trung Dũng	Thành viên	Ngày không còn là thành viên 09/6/2020 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 ngày 09/6/2020	Kế toán
6	Thái Anh Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	Ngày bắt đầu 29/8/2020 theo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường 2020 ngày 29/8/2020	Kế toán

2. Cuộc họp của BKS/ Meetings of Board of Supervisors

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Đỗ Công Quang	3	100%	100%	
2	Nguyễn Thành Công	3	100%	100%	
3	Đoàn Quang Cảnh	3	100%	100%	
4	Nguyễn Hồ Ngọc	2	100%	100%	
5	Trịnh Trung Dũng	2	100%	100%	
6	Thái Anh Tuấn	2	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors*

Trong năm, Ban kiểm soát thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ của công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Tham gia đánh giá, sửa đổi, hoàn thiện các quy trình, quy định và quy chế nội bộ của Công ty nhằm phát hiện các rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đưa ra những giải pháp kiến nghị phù hợp;
- Kiểm soát tính phù hợp của các quyết định của HĐQT, Ban giám đốc trong công tác quản lý. Kiểm soát việc ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Kiểm soát tính chính xác, phù hợp của các báo cáo tài chính hàng quý và cả năm 2020. Xem xét việc chấp hành luật về các chính sách và chế độ tài chính kế toán của Công ty;
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm trình Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị theo thư mời, kiểm tra giám sát tình hình thực hiện, triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT, Ban giám đốc. Đưa ý kiến góp ý nhằm giải quyết những vấn đề vướng mắc trong các buổi họp với HĐQT.

5. Hoạt động khác của BKS/(nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors (if any):*

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /</i>
01	Vũ Đức Lợi- Tổng giám đốc	17/4/1976	Quản trị kinh doanh	Ngày miễn nhiệm 15/06/2020
02	Vũ Ba Lê- Phó Tổng giám đốc nội chính	25/10/1978	Tài chính ngân hàng	Ngày bổ nhiệm 11/02/2020
03	Lê Việt Anh- Phó Tổng giám đốc kinh doanh	29/6/1984	Quản trị kinh doanh	Ngày bổ nhiệm 12/05/2020
04	Tạ Nguyên Hải – Phó Tổng giám đốc chuỗi cung ứng	01/3/1979	Công nghệ thực phẩm	Ngày bổ nhiệm 02/01/2020

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i>
Bùi Thị Minh Hằng	29/5/1980	Kế toán	Ngày miễn nhiệm 01/10/2020
Đoàn Thùy Dương	03/7/1985	Kế toán	Ngày bổ nhiệm 01/10/2020

VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance*:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance*:

Công ty đã thành lập Trung tâm đào tạo theo Quyết định số 291/QĐ-TPHN ngày 31/8/2020. Trung tâm đào tạo đã tổ chức đào tạo và triển khai các khóa đào tạo về quản trị cho cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
1	Công ty cổ phần DNA Holding		Công ty mẹ	Mã số doanh nghiệp số 2301054242 do Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp 10/10/2018	KCN Yên Phong mở rộng, Xã Yên Trung, Yên Phong, Bắc Ninh				Theo Điều 4 khoản 46 Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021
2	Công ty Cổ phần công nghệ thực phẩm Đông Nam Á		Người liên quan	Mã số doanh nghiệp 2300888044 cấp 15/5/2015	Lô H1 - 6 cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ, Xã Đông Thọ,				Theo Điều 4 khoản 46 Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/indi vidual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securit ies trading accoun t (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Positio n at the Compa ny (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliate d person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliate d person</i>	Lý do <i>Reas ons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relat ionship with the Company</i>
	(DNA Food)				Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh				
3	Công ty cổ phần quốc tế Bamboo (Bamboo)		Người liên quan	Mã số doanh nghiệp 0801175749 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/01/2016	TL0755 The Harmony, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.				Theo Điều 4 khoản 46 Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021
4	Công ty cổ phần bao bì Đồng Nam Á (DNA pack)		Người liên quan	Mã số doanh nghiệp: 0107511776 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 20/7/2016	Lô E15, E16, E17 cụm đa ngành Đồng Thọ, xã Đồng Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.				Theo Điều 4 khoản 46 Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực 1/1/2021
			Người liên quan	Mã số doanh nghiệp: 230614653 do	Lô E13 và E14 cụm đa ngành				Theo Điều 4 khoản 46 Luật chứng

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i>
5	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế ALPHA (Alpha food)			Sở kế hoạch và Đầu tư TP Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2010	Đông Thọ, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam				khoản 2019 có hiệu lực 1/1/2021

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i> (Ghi chú: Số liệu trước kiểm toán)	Ghi chú <i>Note</i>
1	Công ty cổ phần thực phẩm quốc tế ALPHA	Người liên quan	Mã số doanh nghiệp:	Lô E13 và E14 cụm đa nghề Đông	04/9/2020	Nghị quyết HĐQT số	- Mua hàng từ Hữu Nghị:	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i> (Ghi chú: Số liệu trước kiểm toán)	Ghi chú <i>Note</i>
	phẩm quốc tế ALPHA (Alpha food)		230614653 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2010	Thọ, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	19/8/20 19	298/VPH ĐQT- TPHN ngày 04/9/2020; Nghị quyết HĐQT số 211/VPH ĐQT- TPHN ngày 19/8/2019	10.061.892.634 đồng. - Bán nguyên liệu cho Hữu Nghị: 7.523.337.294 đồng, - Mua hàng từ CN Miền Bắc: 133.442.845.983 đồng. - Tài sản chuyển sang CN Miền Bắc: 15.306.886.563 đồng. - Bán Nguyên liệu – Bao bì cho CN Miền Bắc: 30.949.859.922 đồng.	
2	Công ty cổ phần bao bì Đông Nam Á (DNA pack)		Mã số doanh nghiệp: 0107511776 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 20/7/2016	Lô E15, E16, E17 cụm đa nghề Đông Thọ, xã Đông Thọ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.	10/3/20 20	Nghị quyết HĐQT số 27/NQ- TPHN ngày 10/3/2020	- Xuất bán bao bì cho Hữu Nghị: 8.128.281.461 đồng. - Mua hàng từ Hữu Nghị: 39.968.908 đồng. - Mua Tài sản Thanh lý từ Hữu Nghị: 182.600.000 đồng. - Xuất bán Bao bì cho CN Miền Bắc:	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/ individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No.* date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction (Ghi chú: Số liệu trước kiểm toán)	Ghi chú Note
							23.215.177.987 đồng.	
3	Công ty Cổ phần công nghệ thực phẩm Đông Nam Á (DNA Food)		Mã số doanh nghiệp 2300888044 cấp 15/5/2015	Lô H1 - 6 cụm công nghiệp đa nghề Đông Thọ, Xã Đông Thọ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh	12/1/2019 09/08/2019	Nghị quyết số 07/VPHĐ QT-TPHN ngày 12/01/2019 ; Nghị quyết số 203/VPHĐ QT-TPHN ngày 09/08/2019	- Xuất bán hàng cho Hữu Nghị: 26.950.158.434 đồng. - Nhập mua Nguyên liệu của Hữu Nghị: 75.965.860.565 đồng - Hữu Nghị chi trả hộ chương trình mấm cho DNA Food: 757.297.900 đồng. - Mua Nguyên liệu từ CN Miền Bắc: 68.118.502.479 đồng. - Xuất bán cho CN Miền Bắc: 44.347.760.189 đồng.	
4	Công ty cổ phần quốc tế Bamboo (Bamboo)		Mã số doanh nghiệp 0801175749 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp	TL0755 The Harmony, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	09/07/2019	Nghị quyết số 179/VPHĐ QT-TPHN ngày 09/07/2019	- Mua hàng từ Hữu nghị: 432.072.455 đồng. - Bán Nguyên liệu cho Hữu Nghị:	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i> (Ghi chú: Số liệu trước kiểm toán)	Ghi chú <i>Note</i>
			lần đầu ngày 28/01/2016				18.469.943.388 đồng.	

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

Stt No	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại CTNY <i>Position at the listed Company</i>	Số CMND/H ộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No. /Passport No., date of issue, place of Issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transaction</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	Không								

(ghi chú: số liệu trước kiểm toán)

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects

Nếu có sẽ thể hiện chi tiết trong báo cáo tài chính sau kiểm toán sẽ là 1 phần không tách rời Báo cáo này.

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/Transactions between the Company and the company that its members of Board

of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).

Nếu có sẽ thể hiện chi tiết trong báo cáo tài chính sau kiểm toán sẽ là 1 phần không tách rời Báo cáo này.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).

Nếu có sẽ thể hiện chi tiết trong báo cáo tài chính sau kiểm toán sẽ là 1 phần không tách rời Báo cáo này.

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.

Nếu có sẽ thể hiện chi tiết trong báo cáo tài chính sau kiểm toán sẽ là 1 phần không tách rời Báo cáo này.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1	Trịnh Trung Hiếu		Chủ tịch HĐQT	012214652 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/07/2008	Số 3 ngõ 126 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành	0	0%	

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
					phố Hà Nội			
1.1	Trịnh Đa			Đã mất		0	0%	Cha đẻ
1.2	Bùi Thị Thi			1942		0	0%	Mẹ đẻ
1.3	Nguyễn Thị Hải Lan			1981		0	0%	Vợ
1.4	Trịnh Minh Nguyệt			2004		0	0%	Con
1.5	Trịnh Tuấn Minh			2006		0	0%	Con
1.6	Trịnh Minh Anh			2012		0	0%	Con
1.7	Trịnh Thị Đào			1961		0	0%	Chị gái
1.8	Trịnh Văn Quy			1966		0	0%	Anh trai
1.9	Trịnh Văn Phụng			1971		75.744	0,25% HNF	Anh trai
2	Lê Thị Lan Anh		Phó chủ tịch HĐQT	036178001641 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 31/05/2016	Số 9, Ngõ 27, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	0	0%	

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
2.1	Lê Hùng Việt			CMTND 162446677 công an tỉnh Nam Định cấp ngày 06/12/2011		0	0%	Bố đẻ
2.2	Trần Thị Trâm			B6130842 cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 21/12/2011		0	0%	Mẹ đẻ
2.3	Vũ Lộc An			1971		0	0%	Chồng
2.4	Vũ Lâm Nhi			2000		0	0%	Con
2.5	Vũ Minh Anh			2006		0	0%	Con
2.6	Lê Việt Anh			1984		0	0%	Em trai
3	Nguyễn Thái Dương		Thành viên HĐQT	001092001203 do Cục cảnh sát cấp ngày 02/6/2016	Số 29 ngõ 154 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội	3.089.409	10,30%	
3.1	Nguyễn Văn Thịnh			25/5/1961		0	0%	Cha đẻ
3.2	Trịnh Thị Đào			21/9/1962		0	0%	Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Thái Anh			19/12/1989		0	0%	Chị gái

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
3.4	Nguyễn Thị Lộc			08/6/1989		0	0%	Vợ
4	Bùi Tuấn Anh		Thành viên HĐQT	090881878 do CA Thái Nguyên cấp ngày 20/3/2001	Tổ Tân Xuân 1, Phường Xuân Đĩnh, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	
4.1	Bùi Chính Nghĩa			1952		0	0%	Cha đẻ
4.2	Trần Lê Hà			1958		0	0%	Mẹ đẻ
4.3	Bùi Mỹ Hạnh			1998		0	0%	Em gái
4.4	Ôn Thị Mỹ Linh			1982		0	0%	Vợ
4.5	Bùi Đức Nam			2013		0	0%	Con đẻ
5	Lê Việt Anh		Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty	036084000222 do Cục đăng ký quản lý cư trú và DLQG dân cư cấp ngày 28/8/2014	Số 2003 ct2, chung cư Nàng Hương, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội	0	0%	
5.1	Lê Hùng Việt			CMTND 162446677 công an tỉnh Nam Định cấp ngày 06/12/2011		0	0%	Cha đẻ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percenta ge of share ownershi p at the end of the period	Ghi chú Note
5.2	Trần Thị Trâm			B6130842 cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 21/12/2011		0	0%	Mẹ đẻ
5.3	Lê Minh			03/09/2014		0	0%	Con
5.4	Lê Thị Lan Anh			036178001641		0	0%	Chị gái
6	Vũ Ba Lê		Phó Tổng giám đốc	013093674 do Công an Hà nội cấp ngày 12/06/2008	P0804 Tòa B Khu Imperia Garden, số 203 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh xuân trung, Quận Thanh xuân, Hà nội	0	0%	
6.1	Vũ Văn Nho			SN 1945		0	0%	Cha đẻ
6.2	Nguyễn Thị Sồi			SN 1944		0	0%	Mẹ đẻ
6.3	Lê Thị Phương			SN 1983		0	0%	Vợ
6.4	Vũ Phương Anh			SN 2008		0	0%	Con
6.5	Vũ Bảo Ngân			SN 2012		0	0%	Con
6.6	Vũ Hải Dương			SN 1970		0	0%	Anh trai

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
6.7	Vũ Văn Khánh			SN 1972		0	0%	Anh trai
7	Tạ Nguyên Hải		Phó Tổng giám đốc	013276525 do Công an Hà Nội cấp ngày 27/03/2010.	Tổ 26 Phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	0	0%	
7.1	Tạ Nguyên Thanh			1949		0	0%	Cha đẻ
7.2	Hoàng Thị Lý			1953		0	0%	Mẹ đẻ
7.3	Trần Thị Tuyết			1983		0	0%	Vợ
7.4	Tạ Trần Gia Huy			2007		0	0%	Con
7.5	Tạ Trần Gia Phúc			2011		0	0%	Con
7.6	Tạ Thị Hằng			1981		0	0%	Em gái
8	Thái Anh Tuấn		Trưởng ban kiểm soát	011934342, Ngày cấp: 04/07/2013, Nơi cấp: CA Hà Nội	30 ngách 49 ngõ Thái Thịnh 2, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	0	0%	
8.1	Trần Thị Tuyết Mai			001181002533 cấp ngày 02/07/2014 tại Hà Nội		0	0%	Vợ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
8.2	Thái Văn Đạo					0	0%	Bố
8.3	Trịnh Thị Thanh			038153001996 cấp ngày 17/11/2017 tại Hà Nội		0	0%	Mẹ
8.4	Thái Lan Anh			012099245 cấp ngày 16/01/2014		1.771.2 00	5,90%	Em gái
9	Đoàn Quang Cảnh		Thành viên BKS	142590716 Ngày cấp: 18/07/2007 Nơi cấp: CA Hải Dương	Bình Xuyên, Bình Giang, Hải Dương	0	0%	
9.1	Đoàn Quang Mậm					0	0%	Bố đẻ
9.2	Hồ Thị Thuận					0	0%	Mẹ đẻ
9.3	Đoàn Quang Định					0	0%	Em trai
10	Nguyễn Thành Công		Thành viên BKS	174362123 Ngày cấp: 28/07/2011 Nơi cấp: CA Thanh Hóa	Xã Hà Toại, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa	0	0%	
10.1	Nguyễn Văn Sơn			CCCD: 038069000194, Ngày cấp: 10/03/2016, Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư		0	0%	Bố

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No./Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
10.2	Nguyễn Thị Bình			CMT: 173313738, Ngày cấp: 25/08/2009, Nơi cấp: CA Thanh Hóa		0	0%	Mẹ
10.3	Nguyễn Hồng Khanh			CMT: 173311942, Ngày cấp: 29/10/2014, Nơi cấp: CA Thanh Hóa		0	0%	Anh Trai
11	Đoàn Thùy Dương		Kế toán trưởng	019185000077 Cục CS cấp 29/04/2014	K2 KTT Thành Công, Ba Đình, HN	0	0%	
11.1	Nguyễn Xuân Khánh			164209396		0	0%	Chồng
11.2	Nguyễn Ngọc Minh			0		0	0%	Con

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	
	Không						

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues. Không

Nơi nhận:

Recipients:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, PC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



Trịnh Trung Hiếu

